TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2022/DS-PT.
Ngày: 19 - 12 - 2022.
V/v: T/c thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phượng.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã L M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Thời T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu vực B A, phường B Th, thị xã L M, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn Đ - Văn phòng Luật sư Trần Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.(có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Gi, sinh năm 1960.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Khu vực B A, phường B Th, thị xã L M, tỉnh Hậu Giang. (có

mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị K, sinh năm 1951.

- Bà Phan Thúy Ng, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Khu vực B A, phường B Th, thị xã L M, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Phan Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp L H 1, xã T Ph, thị xã L M, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Phan Văn Tr, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp Ph H, xã A H, huyện Ch Th, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Phan Thời T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phan Thời T trình bày: Lúc sinh thời bà Phạm Thị Ch và ông Phan Thời Ng có 06 người con gồm: Phan Thị K, Phan Thúy Ng, Phan Văn Tr, Phan Thị Gi, Phan Thời T, Phan Thị L. Khi còn sống bà Ch, ông Ng đã phân chia đất cho các con, mỗi người một phần đất nhưng ông T không nhớ diện tích cụ thể. Sau khi chia đất xong cho các con bà Ch còn lại một phần đất diện tích 652m do bà Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993 ông Phan Thời Ng chết, năm 2003 bà Ch chết, khi chết ông Ng, bà Ch không để lại di chúc. Tuy nhiên, sau đó bà Phan Thị Gi được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T không hay biết. Năm 2019, giữa bà Gi và ông T có mâu thuẫn về ranh đất, khi đó ông T mới phát hiện bà Gi được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Biên bản họp gia đình năm 2006 mà bà Gi cung cấp thì ông T không biết và không có ký tên vào biên bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu Tòa án phân chia di sản là phần đất có diện tích 652m của bà Phạm Thị Ch chết để lại cho các đồng thừa kế (trong đó phần đất còn lại diện tích 541,3m và số tiền bồi thường 39.187.800 đồng do nhà nước thu hồi phần diện 110,7m). Ông T yêu cầu được nhận giá trị đối với phần đất, không yêu cầu gì liên quan đến tài sản trên đất.

Ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Gi trình bày: Bà Gi là con của ông Phan Thời Ng và bà Phạm Thị Ch, ông Ng và bà Ch có 01 dòng con và 06 người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông Ng chết năm 1993, bà Ch chết năm 2003, trước khi bà Ch chết thì bà Ch

sống chung với bà Gi, việc này các anh em trong nhà đều biết. Tài sản theo giấy chứng nhận số 000128 cấp năm 1995 cho bà Ch là do thừa kế toàn bộ từ ông Ng (trước đây phần tài sản này do ông Ng đứng tên, sau khi ông Ng chết thì để lại thừa kế cho bà Ch), khi bà Ch chết thì không để lại di chúc. Sau khi bà Ch chết phần tài sản do bà Gi quản lý, sử dụng. Năm 2006 được anh em trong gia đình thống nhất nên lập biên bản họp gia đình, lập tại nhà của bà Ch (căn nhà sau này bà Gi tháo dỡ để cất lại nhà mới). Các anh em có ký tên vào biên bản họp gia đình tại Ủy ban nhân dân xã L B (nay là phường V T) thị xã L M. Mục đích họp gia đình là anh em thống nhất để đất lại cho bà Gi quản lý, gìn giữ, thờ phụng cha mẹ, nhiều đời không được sang bán cho người khác. Từ đó, bà Gi được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01057 và CS01058 cấp cùng ngày 09/01/2018 cho bà Phan Thị Gi.

Nay ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Gi không đồng ý phân chia di sản thừa kế theo yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K, bà Phan Thúy Ng, bà Phan Thị L cùng có lời trình bày: Bà Phan Thị K, bà Phan Thúy Ng, bà Phan Thị L thống nhất phần trình bày của bà Gi, trong vụ án này bà Phan Thị K, bà Phan Thúy Ng, bà Phan Thị L không yêu cầu chia di sản thừa kế, nếu Phan Thị K, bà Phan Thúy Ng, bà Phan Thị L được chia tài sản thì bà Lập không nhận mà để lại cho bà Gi quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Tr có lời trình bày: Bà Ch và ông Ng có 01 dòng con và 06 người con gồm Phan Thị K, Phan Thị Ng, Phan Văn Tr, Phan Thị Gi, Phan Thời T, Phan Thị L. Phần đất thổ cư và phần đất vườn do bà Phạm Thị Ch chết để lại, các anh em trong gia đình thống nhất để lại cho bà Phan Thị Gi đứng tên để lo mồ mã, hương khói, thờ cúng ông bà. Ngày 23/4/2006 gia đình ông có lập biên bản về việc họp nội bộ gia đình do ông Tr chủ trì để phân chia ruộng đất cho anh em trong gia đình thì bà Phan Thị Gi được sử dụng toàn bộ phần đất đang tranh chấp, tất cả anh em trong gia đình đều có mặt và ký tên vào biên bản nên việc ông Phan Thời T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất đang tranh chấp là không đúng. Trong vụ án này ông Trượng không yêu cầu chia thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm

2022 của Tòa án nhân dân thị xã L M, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn Phan Thời T đối với bị đơn Phan Thị Gi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, chi phí giám định, về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2022, ông Phan Thời T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu: yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông phân chia di sản của bà Phạm Thị Ch để lại, ông yêu cầu được nhận giá trị đối với phần đất và tiền bồi thường 39.187.800 đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận, bà Phạm Thị Ch có chuyển nhượng cho ông Phan Minh U diện tích 348m^2 thửa 1551, như vậy diện tích còn lại trong giấy chứng nhận của bà Ch là 652m^2. Yêu cầu bà Gi cho ông một phần di sản thừa kế do bà Ch để lại

Bị đơn không thống nhất yêu cầu chia thừa kế của của nguyên đơn

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng không thừa nhận biên bản họp gia đình ngày 23/4/2006 do việc sửa số 652m^2 không được ông T thừa nhận, việc xác nhận của trưởng ấp không hợp pháp về thời gian.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo ông Phan Thời T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn ông Phan Thời T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản là phần đất có diện tích 652m^2 của bà Phạm Thị Ch chết để lại cho các đồng thừa kế (trong đó phần đất còn lại diện tích 541,3m và số tiền bồi thường 39.187.800 đồng do nhà nước thu hồi phần diện 110,7m). Ông T yêu cầu được nhận giá trị đối với phần đất, không yêu cầu gì liên quan đến tài sản trên đất. Tòa

án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã L M, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phan Thời T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Phan Thời T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên toà nguyên đơn cho rằng di sản của mẹ ông chết để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1000m^2, mẹ ông đã chuyển nhương 348m^2 cho ông Phan Minh U, còn lại diện tích 652m^2 do bà Phan Thị Gi quản lý, nay yêu cầu bà Gi chia thừa kế cho 06 anh chị em, trong đó có ông và ông yêu cầu được nhận giá trị và tiền bồi thường đất 39.187.800đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ biên bản họp hội bộ gia đình ngày 23/4/2006 thể hiện các con của bà Phạm Thị Ch gồm 6 người trong đó có nguyên đơn thống nhất để cho bị đơn bà Phan Thị Gi phần đất vườn 652m^2 tuyến lộ 931 cất nhà ở để thờ cúng cha mẹ, trong đó mồ mã phải sự dụng lâu dài không được quyền sang bán. Căn cứ vào bản kết luận giám định số 1312/KL-KTHS ngày 08/3/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận chữ ký trong biên bản họp nội bộ gia đình ngày 23/4/2006 là chữ ký của ông Phan Thời T, từ biên bản này năm 2018 bà Gi được cấp quyền sử dụng đất với diện tích 652m^2 đúng diện tích còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Ch, ngoài ông T yêu cầu chia một suất thừa kế theo pháp luật còn lại các anh em khác của ông đều thống nhất đã họp gia đình chia đất cho bà Gi xong, nên không ai yêu cầu chia, mặc khác bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2008 không ai có ý kiến gì, do vậy từ năm 2008 đến nay phần đất này không còn là di sản thừa kế của bà Phạm Thị Ch chết để lại, do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thời T là có căn cứ.

Tại phiên toà Luật sư cho rằng không đồng ý do biên bản họp gia đình có sửa số diện tích và xác nhận của chính quyền địa phương không phù hợp với ghời điểm lập biên bản họp gia đình. Đối với ý kiến này Hội đồng xét xử xét

thấy việc các đương sự đã họp gia đình ngày 23/4/2006 chia tài sản do bà Chính chết để lại, số đo 652m^2 là số đo còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch được cấp năm 1995, số đo này sau khi trừ đi phần diện tích bà Ch lúc còn sống đã chuyển nhượng cho ông Phan Minh U là phù hợp, mặc khác việc xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã L B là xác đinh chữ ký của các đương sự, sau khi các đương sự đã ký tên chứ không chứng kiến việc các đương sự lập văn bản trước mặt chính quyền địa phương, do vậy điều này không ảnh hưởng đến việc tự định đoạt thoả thuận của các đương sự trong trong biên bản họp nội bộ gia đình mà bị đơn cung cấp, nên không chấp nhận ý kiến này của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn.

[4] Từ những căn cứ trên xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Thời T không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không được chấp nhận, Không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã L M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26; Điều 166; Điều 167 Luật đất đai 2013 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thời T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn Phan Thời T đối với bị đơn Phan Thị Gi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Phan Thời T phải chịu số tiền 13.514.356 đồng (*Mười* ba triệu năm trăm mười bốn nghìn, ba trăm *năm mươi* sáu *đồng*). Nguyên đơn Phan Thời T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

2.604.000 đồng theo lai thu số 0005298, lập ngày 19/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L M, tỉnh Hậu Giang. Như vậy, nguyên đơn Phan Thời T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 10.910.356 đồng *(Mười triệu chín trăm mười nghìn, ba trăm năm mươi* sáu *đồng*).

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn Phan Thời T phải chịu nộp số tiền 11.520.000 đồng *(Mười một triệu, năm trăm* hai mươi *nghìn đồng*) đã nộp xong.

4. Chi phí giám định: Nguyên đơn Phan Thời T phải chịu nộp số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* đã nộp xong.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thời T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Phan Thời T đã nộp theo biên lai thu số 0004298 ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L M, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/12/2022.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phượng **Lê Thị Thọ** **Trịnh Thị Bích Hạnh**